

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 688/TTr-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 297/BC-BKTNS ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là cấp xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao.
3. Không bố trí trùng lặp về nội dung, đối tượng, phạm vi đầu tư với nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước bảo đảm từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án hoặc nguồn kinh phí khác. Trường hợp một dự án sử dụng nhiều nguồn vốn, phải xác định rõ nội dung, khối lượng và cơ cấu từng nguồn vốn.
4. Việc phân bổ vốn bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình, kế hoạch hằng năm, mức độ ưu tiên, tính cấp thiết của từng nhóm nhiệm vụ, khả năng triển khai thực hiện và giải ngân; tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, tránh dàn trải.
5. Trường hợp nhu cầu vốn thực tế thấp hơn mức ngân sách dự kiến hỗ trợ tối đa theo các tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết này, cơ quan có thẩm quyền thực hiện phân bổ theo nhu cầu vốn thực tế.

Phần vốn chênh lệch còn dư được tổng hợp để điều phối, bổ sung cho các sở, ban, ngành tỉnh, cấp xã, đơn vị thụ hưởng có khả năng triển khai, sử dụng vốn hiệu

quả hoặc các địa bàn có nhu cầu đầu tư cấp bách, phát sinh đột xuất, ưu tiên giải quyết dứt điểm thực trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn trong phạm vi Chương trình.

6. Trường hợp nhu cầu vốn thực tế vượt quá mức ngân sách hỗ trợ tối đa tính toán theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức của Chương trình, sở, ban, ngành tỉnh, cấp xã và đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm tự cân đối, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, bao gồm ngân sách địa phương, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc vốn tự có của đơn vị nhằm bảo đảm hoàn thành toàn bộ quy mô đầu tư của dự án đã được phê duyệt, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

7. Trường hợp có chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục hằng năm trong giai đoạn, việc phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục mới thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với các cơ sở giáo dục mới được sáp nhập từ hai cơ sở trở lên, phân bổ ngân sách bằng tổng mức vốn đã phân bổ cho các cơ sở trước khi sáp nhập bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án của Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn;

b) Đối với các cơ sở giáo dục mới được chia tách, phân bổ ngân sách tương ứng theo các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được phân chia từ cơ sở trước chia tách cho cơ sở mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

8. Bảo đảm bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương tối thiểu 26% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình này; tiếp tục cân đối ngân sách địa phương, bố trí thêm nguồn lực từ tăng thu, tiết kiệm chi hằng năm và các nguồn vốn khác để ưu tiên bổ sung vốn cho Chương trình, bảo đảm đủ nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành giáo dục; có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện. Các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh bố trí vốn đối ứng theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

9. Địa phương ưu tiên sử dụng ngân sách hỗ trợ

a) Ưu tiên bố trí vốn cho các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, an toàn khu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển; ưu tiên sử dụng vốn để giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông;

b) Thực hiện các hạng mục công trình cấp bách, thiết yếu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định, có khả năng giải ngân tốt; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong kỳ kế hoạch để sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư;

c) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng các tiêu chí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho giáo dục mầm non, phổ thông công lập

1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Chương trình

a) Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Hệ số định lượng về thực trạng cơ sở vật chất được xác định như sau:

$P_{kch,j}$: Số lượng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa của xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (j);

$P_{pcgd,j}$: Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày của xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (j);

$P_{thieu,j}$: Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (j).

b) Mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn được bố trí vốn. Hệ số định lượng về mức độ ưu tiên được xác định như sau:

α : Hệ số trọng số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học, quy định $\alpha = 1,3$;

β : Hệ số trọng số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày, quy định $\beta = 1,2$;

γ : Hệ số trọng số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu, quy định $\gamma = 1,0$.

c) Khả năng tự cân đối ngân sách của cấp xã. Hệ số phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách (M_j) được xác định như sau:

Cấp xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách cấp xã từ 80% trở lên: hệ số $M_j = 1,3$;

Cấp xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách cấp xã từ 60% đến dưới 80%: hệ số $M_j = 1,1$.

d) Mức độ khó khăn của địa bàn, bao gồm các yếu tố về điều kiện địa lý, địa hình, khí hậu, khoảng cách vận chuyển, điều kiện thi công, suất đầu tư xây dựng và các yếu tố chi phí khác có liên quan. Hệ số ưu tiên theo vùng miền K_j được xác định như sau:

$K_j = 1,2$: Áp dụng đối với các xã khu vực III theo quy định;

$K_j = 1,0$: Áp dụng đối với các xã còn lại thuộc đối tượng hỗ trợ.

2. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho từng cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo j (T_j)

Tổng số điểm định mức quy đổi của cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo

dục và Đào tạo j (T_j) được tính toán dựa trên thực trạng cơ sở vật chất thực tế kết hợp với các hệ số ưu tiên về vùng miền và khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau:

$$T_j = [(P_{kch,j} \times \alpha) + (P_{pcgd,j} \times \beta) + (P_{thieu,j} \times \gamma)] \times K_j \times M_j$$

b) Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo j (V_j) được xác định theo công thức sau:

$$V_j = \left(\frac{T_j}{\sum_{j=1}^n T_j} \right) \times V_{D1}$$

Trong đó:

V_j : Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (j) trong giai đoạn kế hoạch;

V_{D1} : Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt phân bổ và đối ứng cho giáo dục mầm non, phổ thông của Chương trình trong kỳ kế hoạch cho cấp xã (70% theo định mức phân bổ vốn) và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (10% theo định mức phân bổ vốn) trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

T_j : Tổng số điểm định mức quy đổi của cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (j);

$\sum_{j=1}^n T_j$: Tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh (n là tổng số cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được hỗ trợ).

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Khối lượng danh mục đầu tư đối với các hạng mục công trình, trang thiết bị dạy học tối thiểu và thứ tự ưu tiên bố trí vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế của từng cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô và nội dung đầu tư quy định tại Quyết định phê duyệt Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn, các số liệu này được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho cả giai đoạn 2026 - 2030.

4. Định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho giáo dục mầm non, phổ thông công lập

a) Căn cứ vào nguồn vốn trung ương hỗ trợ và ngân sách đối ứng của địa phương; tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều này và nhu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ đến cấp xã và các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, theo định mức như sau:

Phân bổ 10% nguồn vốn cho các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Phân bổ 90% nguồn vốn cho cấp xã. Trong đó: 70% phân bổ cho cấp xã theo tiêu chí, hệ số theo quy định tại khoản 2 Điều này; 30% phân bổ đều cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

b) Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm vốn đối ứng ngân sách tỉnh chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức bố trí để thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 5. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho các trường cao đẳng công lập

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho các trường cao đẳng

Các trường cao đẳng thuộc đối tượng được lựa chọn để ưu tiên đầu tư thành trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia; trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; trường đào tạo ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN (ưu tiên các ngành, nghề đào tạo phục vụ chuyển đổi số; du lịch; nông nghiệp công nghệ cao; môi trường; logistics; ngành nghề đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển vùng, ngành).

a) Tiêu chí, hệ số định mức phân bổ cho các đơn vị thụ hưởng thuộc đối tượng được lựa chọn để ưu tiên đầu tư theo định hướng phát triển của các trường cao đẳng được xác định các hệ số định mức thành phần như sau (hệ số H_{dt}):

Trường thực hiện chức năng Trung tâm quốc gia: hệ số $H_{dt} = 3,0$;

Trường thực hiện chức năng Trung tâm vùng: hệ số $H_{dt} = 2,0$;

Trường đào tạo ngành, nghề trọng điểm mũi nhọn: hệ số $H_{dt} = 1,0$.

b) Tiêu chí, hệ số về quy mô đào tạo trình độ cao đẳng trong 03 năm gần nhất, hệ số (H_{qm}) trong đó:

Đào tạo từ 3.000 học sinh, sinh viên trở lên: hệ số 4,0;

Đào tạo từ 2.000 đến dưới 3.000 học sinh, sinh viên: hệ số 3,0;

Đào tạo từ 1.000 đến dưới 2.000 học sinh, sinh viên: hệ số 2,0;

Đào tạo dưới 1.000 học sinh, sinh viên: hệ số 1,0.

c) Tiêu chí, hệ số về mức độ đạt chuẩn về cơ sở vật chất và nhu cầu cần phải nâng cấp, hiện đại hóa về đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị thực hành nghề của trường cao đẳng theo quy định hiện hành (hệ số H_{cl}), trong đó:

Cơ sở chưa đạt chuẩn: hệ số 3,0;

Cơ sở đã đạt chuẩn (đầu tư bổ sung nâng cấp): hệ số 2,0;

Cơ sở vượt chuẩn hoặc đạt chuẩn chất lượng cao (có chỉ số hoạt động cao hơn mức yêu cầu): hệ số 1,0.

d) Tiêu chí, hệ số về số lượng ngành, nghề đào tạo trọng điểm được phê duyệt (H_{ng}), trong đó:

Trường đào tạo từ 07 ngành, nghề trọng điểm trở lên: hệ số $H_{ng} = 1,5$;

Trường đào tạo từ 05 đến dưới 07 ngành, nghề trọng điểm: hệ số $H_{ng} = 1,3$;

Trường đào tạo từ 03 đến dưới 05 ngành, nghề trọng điểm: hệ số $H_{ng} = 1,1$;

Trường đào tạo dưới 03 ngành, nghề trọng điểm: áp dụng hệ số $H_{ng} = 1,0$.

2. Phương pháp xác định định mức và phân bổ ngân sách nhà nước cho các trường cao đẳng

Việc phân bổ ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các đơn vị thụ hưởng được thực hiện theo phương pháp tính điểm lũy tích dựa trên các hệ số tiêu chí, định mức quy định tại khoản 1 Điều này. Quy trình xác định mức vốn cụ thể như sau:

a) Phương pháp xác định điểm của từng đơn vị thụ hưởng (P_i):

Điểm (P_i) của đơn vị thứ i được xác định bằng công thức:

$$P_i = H_{dt} \times H_{qm} \times H_{cl} \times H_{ng}$$

b) Phương pháp xác định giá trị đơn vị của một điểm định mức (V_d):

Giá trị kinh phí tương ứng với một điểm định mức được xác định dựa trên tổng nguồn vốn dành cho các trường cao đẳng chia cho tổng số điểm của tất cả các đơn vị trong danh mục thụ hưởng:

$$V_d = \frac{T}{\sum_{i=1}^n P_i}$$

Trong đó:

T: Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước tối đa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phân bổ và đối ứng cho các trường cao đẳng của Chương trình trong kỳ kế hoạch;

$\sum_{i=1}^n P_i$: Tổng điểm của tất cả các cơ sở đủ điều kiện thụ hưởng vốn của Chương trình (n là tổng số cơ sở được thụ hưởng).

c) Phương pháp xác định mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến hỗ trợ (M_i):

Mức vốn hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước cho đơn vị thứ i được tính bằng tích số giữa điểm của đơn vị đó với giá trị của một điểm định mức:

$$M_i = P_i \times V_d$$

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Quy mô đào tạo trình độ cao đẳng của các trường được xác định căn cứ tổng số người học trình độ cao đẳng theo các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong 03 năm gần nhất tại thời điểm xác định số liệu;

b) Mức độ đạt chuẩn trường cao đẳng được xác định căn cứ theo kết quả kiểm định chất lượng, đánh giá tiêu chuẩn trường cao đẳng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành;

c) Số lượng ngành, nghề đào tạo trọng điểm được xác định căn cứ trên số lượng ngành, nghề đào tạo thuộc danh mục ngành, nghề trọng điểm (cấp quốc gia, khu vực ASEAN hoặc quốc tế) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và có tuyển sinh thực tế tại thời điểm lập kế hoạch;

d) Số liệu về thực trạng cơ sở vật chất, nhiệm vụ đầu tư và nhu cầu kinh phí dựa trên báo cáo đề xuất của đơn vị thụ hưởng, có văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

đ) Các trường cao đẳng thuộc đối tượng được lựa chọn để ưu tiên đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn, các số liệu này được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho cả giai đoạn 2026 - 2030.

4. Định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho các trường cao đẳng công lập

Căn cứ vào nguồn vốn trung ương phân bổ và ngân sách đối ứng của địa phương; theo tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ đến các trường cao đẳng công lập để thực hiện Chương trình.

Điều 6. Tiêu chí, phương pháp và định mức phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước cho cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước cho từng cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện Chương trình

a) Tiêu chí theo quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình trên địa bàn.

Quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là tổng số lượng về nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình: hệ số ưu tiên là 1,3;

Quy mô người học là tổng số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình: hệ số ưu tiên là 1,0.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo năng lực bồi dưỡng, tập huấn, thí điểm các mô hình về chuyển đổi số, ứng dụng AI có kiểm soát, dạy và học bằng tiếng Anh, giáo dục STEM/STEAM, phát triển tài năng, khởi nghiệp sáng tạo ($H_{thí_điểm,j}$).

Triển khai từ trên 10 trường thí điểm: hệ số 3,0;

Triển khai trên 5 đến 10 trường thí điểm: hệ số 2,0;

Triển khai đến 5 trường thí điểm: hệ số 1,0.

c) Tiêu chí, hệ số điểm về khả năng tự cân đối ngân sách của cấp xã. Hệ số

phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách (M_j) được xác định như sau:

Tỷ lệ số bổ sung cân đối ngân sách tính từ 80% trở lên: $M_j = 1,3$;

Tỷ lệ số bổ sung cân đối ngân sách tính từ 60% đến dưới 80%: $M_j = 1,1$.

d) Tiêu chí, hệ số tính điểm theo điều kiện tổ chức thực hiện nhiệm vụ mức độ khó khăn của địa bàn

Hệ số địa bàn ($H_{\text{địa_bàn},j}$): Các xã đặc biệt khó khăn áp dụng $H_{\text{địa_bàn},j} = 1,2$; các xã còn lại áp dụng $H_{\text{địa_bàn},j} = 1,0$.

2. Phương pháp xác định kinh phí thường xuyên phân bổ cho từng cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Phương pháp xác định tổng điểm định mức quy đổi của cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo j ($T_{tx,j}$):

$$T_{tx,j} = [(Q_{\text{đội_ngũ},j} \times 1,3) + (Q_{\text{người_học},j} \times 1,0)] \times H_{\text{địa_bàn},j} \times M_j \times H_{\text{thí_điểm},j}$$

Trong đó:

$Q_{\text{đội_ngũ},j}$: Tổng quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình;

$Q_{\text{người_học},j}$: Tổng quy mô người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình.

b) Phương pháp xác định mức kinh phí phân bổ cho cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo j ($K_{tx,j}$):

$$K_{tx,j} = \frac{T_{tx,j}}{\sum_{j=1}^n T_{tx,j}} \times K_{\text{Tổng}}$$

Trong đó: $K_{\text{Tổng}}$ là tổng kinh phí thường xuyên của Chương trình giao cho cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đối ứng; $T_{tx,j}$ là tổng điểm định mức quy đổi của cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (j); $\sum_{j=1}^n T_{tx,j}$ là tổng điểm của tất cả các cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được hỗ trợ.

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình dựa trên báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình dựa trên báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Số lượng cơ sở giáo dục được lựa chọn tham gia thí điểm các mô hình dựa trên báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo;

d) Các cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm toàn diện trước

pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn, các số liệu này được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho cả giai đoạn 2026 - 2030.

4. Định mức phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước cho từng cấp xã và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ vào nguồn vốn trung ương phân bổ và ngân sách đối ứng của địa phương; tiêu chí, hệ số phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều này và nhu cầu thực tế, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện nội dung, nhiệm vụ cụ thể, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều